

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 58/2017/HSST

Ngày: 28- 9- 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luận

Các Hội thẩm: 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh; 2. Ông Y Ben Êban

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Ân, chức vụ Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 60/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/HSST-QĐ ngày 15/9/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Trường S**; Sinh ngày 11/3/1993; tại tỉnh Đắk Nông; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: không; Con ông Đỗ Văn H, sinh năm 1952 và con bà Vũ Thị B, sinh năm 1965, hiện sinh sống tại tổ dân phố X, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/6/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Trần Thị Đ (Đã chết); Người đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Nguyễn Xuân H (con ruột), có mặt.

Trú tại: Số nhà M, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ NLQ1, sinh năm 1993, có mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1961, có mặt.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Nhân chứng:

1/ NLC1, vắng mặt.

Trú tại: Số nhà D, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
2/ NLC2, vắng mặt.

Trú tại: Số nhà C, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
3/ NLC3, vắng mặt.

Trú tại: Số nhà H, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
4/ NLC4, vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
5/ NLC5, có mặt.

Trú tại: Số nhà K đường T, T.T Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 04/6/2017 Đỗ Trường S (đã có giấy phép lái xe hạng A1) mượn xe mô tô biển kiểm soát 48B1-xxx.xx (có dung tích xi-lanh 110 cm³) của bạn là NLQ1 rồi điều khiển xe theo hướng từ thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; sau đó tiếp tục điều khiển xe trên đường tỉnh lộ M theo hướng từ thành phố B đến thị trấn Q, huyện C để thăm bạn gái. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, khi S điều khiển xe đến địa phận thôn T, xã Q huyện C thì phát hiện bà Trần Thị Đ đang đi bộ qua đường theo hướng từ cổng chào thôn T đến cổng chào thôn T1, xã Q; nhưng do S thiếu quan sát, không kịp giảm tốc độ và không nhường đường cho người đi bộ nên đã tông vào bên trái người của bà Đ gây tai nạn. Hậu quả bà Đ bị tử vong trên đường đi cấp cứu. Sau khi gây tai nạn, Đỗ Trường S đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/6/2017 và Biên bản dựng lại hiện trường ngày 05/6/2017 xác định: Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra tại ngã tư giao nhau giữa đường tỉnh lộ M và một đường vào thôn T, một đường vào thôn T1, xã Q thuộc địa phận thôn T, xã Q, huyện C. Đoạn đường nhựa, thẳng, mặt đường rộng 15,50m, ở giữa đường có vạch kẻ đường chia thành hai làn đường xe chạy, có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và biển báo hiệu giao nhau giữa đường ưu tiên với đường không ưu tiên, hai bên đường dân cư sinh sống đông đúc. Chọn mép đường bên phải theo hướng từ thị trấn E đến xã E1, huyện C làm mép đường chuẩn và trụ điện số 10 nằm ở mép ngoài đường bên trái theo hướng từ thị trấn E đến xã E1 làm mốc cố định để tính số đo hiện trường. Các thông số tại hiện trường được tính bằng mét (m). Tâm vị trí va chạm cách mép đường chuẩn 5,35m,

cách trục trước của xe mô tô biển kiểm soát 48B1-xxx.xx là 7,35m, cách điểm cố định là 10,70m.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 275/PY-T.Th ngày 06/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: nguyên nhân tử vong của bà Trần Thị Đ là do bị hôn mê, suy hô hấp cấp do chấn thương sọ não, nứt sọ chẩm, chảy máu hố sau/TNGT.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Ngày 04/6/2017 bị cáo điều khiển xe mô tô 48B1-xxx.xx trên đường tỉnh lộ M theo hướng từ thành phố B đến thị trấn Q, huyện C. Khi đến địa phận thôn T, xã Q, huyện C thì thấy bà Trần Thị Đ đang đi bộ qua đường; nhưng do bị cáo thiếu quan sát, không kịp giảm tốc độ nên đã tông vào bên trái người của bà Đ gây tai nạn. Hậu quả bà Đ bị tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đỗ Trường S như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Trường S phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Trường S từ: 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về biện pháp tư pháp: Giữ nguyên như nội dung bản cáo trạng.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Trường S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản dựng lại hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, lời khai của người tham gia tố tụng khác và phù hợp các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 04/6/2017 bị cáo (đã có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển kiểm

soát 48B1-xxx.xx trên đường tỉnh lộ M theo hướng từ thị trấn E đến xã E1, huyện C. Khi điều khiển xe đến địa phận thôn T, xã Q, huyện C do bị cáo thiếu quan sát, không giảm tốc độ và không nhường đường cho người đi bộ nên đã tông vào bên trái người của bà Trần Thị Đ đang đi bộ qua đường theo hướng từ cổng chào thôn T đến cổng chào thôn T1 gây tai nạn. Hậu quả bà Đ bị tử vong trên đường đi cấp cứu. Sau khi gây tai nạn giao thông, Đỗ Trường S đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Trường S đã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Điều 202 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

c) Gây tai nạn rồi bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn”.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt là có căn cứ cần chấp nhận.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, trực tiếp xâm phạm vào hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo phải biết khi điều khiển các phương tiện giao thông tham gia giao thông nếu không chấp hành đúng các quy định của Luật giao thông đường bộ thì rất dễ gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Nhưng bị cáo điều khiển xe với tốc độ nhanh, không chú ý quan sát, không nhường đường cho người đi bộ nên đã gây tai nạn, hậu quả làm 01 người chết; sau khi gây tai nạn bị cáo không tận tình cứu giúp người bị nạn mà bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm do hành vi của mình gây ra. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào khoản 11; khoản 17 Điều 8; khoản 1 và khoản 4

Điều 14 Luật giao thông đường bộ. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi gây tai nạn bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại, được gia đình người bị hại đã viết đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, bố bị cáo là người có công với cách mạng, là thương binh, năm 1975 được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình phối hợp theo dõi giáo dục, để bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành công dân sống tôn trọng pháp luật, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô 48B1-xxx.xx; đây là tài sản hợp pháp của ông NLQ2 (bố ruột của NLQ1) mua năm 2013 để gia đình sử dụng. Ngày 04/6/2017 NLQ1 lấy xe mô tô trên đi chơi rồi cho bị cáo mượn đi sau đó gây tai nạn. Ngày 31/8/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô 48B1-xxx.xx cho ông NLQ2 là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc trao trả trên là phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm. Xét việc thỏa thuận bồi thường trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Trường S** phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Trường S**: 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM’gar đã trả lại xe mô tô 48B1-xxx.xx cho ông NLQ2 là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 586; 591; 601 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận việc bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Trần Thị Đ số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng); bị cáo đã bồi thường xong.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Đỗ Trường S** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND cùng cấp
- THADS huyện
- Sở tư pháp
- Công an huyện
- THA phạt tù
- Bị cáo; Đ.D bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Duy Luận

Nơi gửi:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk

TÒA

- VKSND cùng cấp

- THADS huyện

- Sở tư pháp

- Công an huyện

- THA phạt tù

- Bị cáo; Đ.D bị hại

- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Vũ Duy Luận

